

Bản án số: 965/2012/HSPT

Ngày: 21-9-2012

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Ánh

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Hà

Bà Nguyễn Bích Ngân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trương Thị Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông Lê Hồng Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2012, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 977/2012/HSPT ngày 31/8/2012 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 129/2012/HSST ngày 20/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hà Nội .

Bị cáo có kháng cáo:

1. **TRẦN PHI L**, sinh năm 1983. ĐKHKTT: số nhà 11, ngõ 56 HHT, thị trấn Y, huyện N, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 7/12; con ông Trần Duy D và bà Nguyễn Thị Nh; có vợ là Đỗ Thị Thanh T và 01 con;

Tiền án, tiền sự: ngày 16/11/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản; được đặc xá ngày 30/8/2010.

Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 23/11/2011 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên toà.

Danh bản số 000000432 lập ngày 25/11/2011 tại Công an huyện N, thành phố Hà Nội.

2. NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1990. ĐKHKTT: số nhà 9/267/29 tổ 16, phường BD, quận B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 9/12; con ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị M; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 23/11/2011 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trạm Tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên toà.

Danh bản số 000000433 lập ngày 25/11/2011 tại Công an huyện N, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Đức L1, Lương Sơn H1 và Bùi Thị D không có kháng cáo, kháng nghị.

Người bị hại:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; trú quán: thôn Y, thị trấn Y, huyện N, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa;

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thì nội dung vụ án và hành vi của các bị cáo được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 22/11/2011, Nguyễn Đức L1 cùng Trần Phi L, Nguyễn Văn T ngồi ăn tại quán phở “C” của gia đình anh Cồ Văn P ở 63 đường HHT, thị trấn Y, huyện N, thành phố Hà Nội. L1 phát hiện bị mất chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 để ở bàn khi ngồi uống nước tại quán. Khi ngồi ở bàn uống nước, có anh Nguyễn Văn H là người làm nghề xe ôm nên L1 nghi cho anh H đã lấy chiếc điện thoại di động của L1. L1 đã cùng với L và T đi xe máy BKS 29S2-8011 của L đi tìm anh H nhưng không thấy. Sau đó L1, T và L đi xe về bến xe N ngồi uống nước. Tại đây cả bọn gặp Lương Sơn H1 và Bùi Thị D, L nói chuyện với H1 và D về việc L1 bị mất chiếc điện thoại tại quán “C”. H1 bảo tất cả đi về Y tìm gặp anh H để đòi lại chiếc điện thoại cho L1, cả bọn đồng ý. Khi đi, L1 và T mỗi người mang theo 01 ống tuýp sắt dài khoảng 30cm, đường kính khoảng 2,5cm. H1 điều khiển xe máy chở L1 và D, L điều khiển xe máy chở T sang thị trấn Y tìm anh H. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, cả bọn thấy anh H đang chờ khách ở khu vực ngã 5 Cầu Đ thị trấn Y, H1 và L điều khiển xe máy chở L1, D và T đuổi theo, yêu cầu anh H dừng lại, L1 dùng tuýp sắt cùng H1, T, L và D đe dọa anh H và yêu cầu anh H đi xe quay về quán phở “C”. Khi về đến quán, L dùng tay nắm một cái vào mặt anh H, H1 và D cũng xông vào dùng chân tay đánh anh H, T dùng ống tuýp sắt mang theo vụt một cái vào đầu anh H nhưng do anh H đội mũ bảo hiểm nên trúng vào mũ bảo hiểm làm anh H bị ngã. Cả bọn yêu cầu anh H vào quán để nói chuyện. L1 yêu cầu anh H phải trả điện thoại cho L1, anh H nói không lấy,

D dùng tay tát vào mặt anh H, anh H bỏ chạy xuống nhà dưới của quán phở. L1 và D chạy theo yêu cầu anh H đi lên trả điện thoại cho L1 nếu không sẽ bị đánh. D lục soát, lấy trong người anh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 01 chiếc ví bên trong có 500.000 đồng. L1 và H1 tiếp tục hỏi anh H có lấy chiếc điện thoại của anh L1 không, anh H nói không lấy. Cả bọn bảo anh H ra ngoài và tiếp tục đe dọa, anh H sợ bỏ chạy. L1, L đi tìm anh H nhưng không thấy nên quay về quán, rồi tất cả tiếp tục đi tìm anh H. Khi gặp anh H, cả bọn lại yêu cầu anh H quay về quán phở “C” để tra hỏi tiếp. Tại đây, L lấy giấy bút bắt anh H ghi theo nội dung “tôi đánh mất cái máy của anh L1, bây giờ tôi xin đền lại chiếc máy X2 cho anh L1” rồi L cầm mảnh giấy trên. D đưa điện thoại cho anh H bảo anh H gọi điện cho người nhà mang tiền đến để giải quyết. Khi anh H gọi điện cho người nhà lại không nói theo nội dung yêu cầu của bọn D nên D giằng lại chiếc điện thoại và nói không cần điện thoại nữa, sau đó D đạp đổ chiếc xe máy BKS 29P5-0526 của anh H xuống đường và cầm điều cày của quán, T cầm tuýp sắt đập vào đèn và yếm của chiếc xe máy của anh H. Sau đó, cả bọn bỏ đi. D nói cho cả bọn biết đã lấy được 01 chiếc điện thoại và 01 chiếc ví bên trong có 500.000 đồng của anh H. Số tiền 500.000 đồng cả bọn đã ăn tiêu hết, còn chiếc điện thoại D đưa cho L1 sử dụng.

Các bị cáo L1, L, T, H1, D đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn H tiền thuốc điều trị vết thương và 500.000 đồng tiền trong ví của anh H, tổng số là 2.492.000 đồng.

Anh H từ chối giám định thương tích. Theo kết luận định giá tài sản, 01 chiếc điện thoại di động của anh H có giá trị 100.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 129/2012/HSST ngày 20/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Phi L, Nguyễn Văn T phạm tội Cướp tài sản.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Phi L 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2011.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2011.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt Nguyễn Đức L1 08 năm tù, Lương Sơn H1, Bùi Thị D mỗi bị cáo 07 năm 06 tháng tù đều về tội Cướp tài sản; tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2012, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng không đúng với hành vi phạm

tội của bị cáo; ngày 01/8/2012 bị cáo Trần Phi L có đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt; người bị hại không có yêu cầu gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo đã ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức. Xét nội dung kháng cáo thấy rằng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Ở cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người bị hại,

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: ngày 22/11/2011, Trần Phi L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức L1, Lương Sơn H1, Bùi Thị D nghi ngờ anh Nguyễn Văn H lấy điện thoại của L1, các bị cáo đã đi tìm anh H để hỏi, mặc dù anh H không nhận nhưng các bị cáo đã đe dọa và đánh anh Nguyễn Văn H bằng chân tay không và tuýp sắt, rồi lấy của anh H 01 điện thoại di động Samsung trị giá 100.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt. Anh H sợ quá bỏ chạy, cả bọn lại tiếp tục đi tìm và tra khảo, đánh anh H, buộc anh H viết giấy với nội dung anh H đánh mất chiếc điện thoại của L1 nên tự nguyện đền cho L1, các bị cáo còn đập xe máy của anh H. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự côn đồ, hung hãn, dùng vũ lực và sử dụng hung khí nguy hiểm để uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của anh H. Thực tế các bị cáo đã chiếm đoạt được chiếc điện thoại của anh H có giá trị 100.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Riêng bị cáo Trần Phi L, ngày 16/11/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự, là tội rất nghiêm trọng, bị cáo được đặc xá ngày 30/8/2010, tính đến ngày 22/11/2011 chưa đủ thời gian để được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm

trọng, nên bị áp dụng thêm tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Trần Phi L và Nguyễn Văn T đều là người bị rủ rê nhưng cả hai bị cáo đều thực hành rất tích cực, T mang tuýp sắt và sử dụng tuýp sắt đánh anh H; L là người ép anh H viết giấy nhận đã làm mất điện thoại của L1 và nhận trách nhiệm đền cho L1, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thái độ khai báo thành khẩn, tinh thần bồi thường thiệt hại. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo. Ở cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Phi L và Nguyễn Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm,

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Phi L 08 (tám) năm tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2011.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2011.

2. Về án phí: áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Phi L và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/9/2012.

Nơi nhận:

- Công an huyện N;
- VKSND huyện N;
- TAND huyện N;
- Thi Hình án dân sự huyện N;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Ánh

(đã ký)